

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: *1326* /STNMT-BHĐ

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 16 tháng 3 năm 2020

V/v Lấy ý kiến về dự thảo Danh
mục các khu vực phải thiết lập hành
lang bảo vệ bờ biển tỉnh Bà Rịa –
Vũng Tàu Lần 3.

KHẨN

Kính gửi:

- Các Sở: Kế hoạch và đầu tư, Xây dựng, Công thương, Du lịch, Văn hóa thể thao, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Văn hóa thể thao, Khoa học và Công nghệ, Tư pháp;
- Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh;
- Ban quản lý Vườn Quốc gia Côn Đảo;
- Bộ Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 3;
- Bộ CHQS Tỉnh;
- BCH Bộ đội biên phòng tỉnh;
- Công an tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố: Vũng Tàu, Long Điền; Đất Đỏ, Xuyên Mộc, Côn Đảo;

Tại cuộc họp Thường trực UBND Tỉnh nghe Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo kết quả xây dựng dự thảo Danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vào ngày 12/3/2020, Đồng chí Nguyễn Văn Thọ - Chủ tịch UBND Tỉnh đã giao Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp tục lấy ý kiến của các Sở ngành chức năng, UBND các huyện, thị xã, thành phố có biển và các cơ quan quốc phòng - an ninh có liên quan về dự thảo Danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu Lần 3 (viết tắt là dự thảo Danh mục); tổ chức niêm yết công khai dự thảo Danh mục tại trụ sở UBND các xã, phường, thị trấn có liên quan để cộng đồng dân cư biết, tham gia đóng góp ý kiến, báo cáo kết quả về UBND Tỉnh **trước ngày 25/3/2020**.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND Tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường đã đăng tải dự thảo Danh mục chi tiết 40 khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, kèm theo Bản đồ thể hiện các khu vực và các hồ sơ có liên quan trên Trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường tại địa chỉ: sotnmt.baria-vungtau.gov.vn, Mục Tin tức/Biển và hải đảo, đồng thời đề nghị:

1. Quý Cơ quan nghiên cứu, cho ý kiến đóng góp bằng văn bản về dự thảo Danh mục và gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường **trước ngày 23/3/2020** để tổng hợp, báo cáo UBND Tỉnh. Trường hợp quá thời hạn trên mà Sở Tài nguyên và Môi trường không nhận được văn bản đóng góp ý kiến, Sở Tài nguyên và Môi trường xem như Quý Cơ quan đã thống nhất với dự thảo Danh mục và sẽ chủ động báo cáo UBND Tỉnh xem xét, quyết định.

2. UBND các huyện, thị xã, thành phố có biển chỉ đạo cho UBND các xã, phường, thị trấn ven biển:

a) Niêm yết công khai dự thảo Danh mục tại trụ sở làm việc để cộng đồng dân cư và các tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn biết, tham gia đóng góp ý kiến.

b) Thông báo đến cộng đồng dân cư, các tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn biết về:

- Địa chỉ có thể tra cứu dự thảo Danh mục để nghiên cứu, đóng góp ý kiến: tại Trụ sở UBND cấp xã sở tại hoặc trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường (sotnmt.baria-vungtau.gov.vn, Mục Tin tức/Biển và hải đảo).

- Thời hạn đóng góp ý kiến: **trước ngày 23/3/2020**.

- Bộ phận đầu mối tiếp nhận ý kiến đóng góp: Phòng Quản lý Biển và Hải đảo, số 153 đường Chu Mạnh Trinh, Phường 8, Thành phố Vũng Tàu. Điện thoại cố định và fax: 0254.3533.701, địa chỉ email: phongbienhaidao.brvt@gmail.com.

- Hình thức gửi, tiếp nhận ý kiến đóng góp: trực tiếp tại trụ sở Bộ phận đầu mối, qua đường bưu điện, qua fax và email.

Rất mong nhận được sự quan tâm phối hợp của Quý Cơ quan để giúp Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn thành nhiệm vụ UBND Tỉnh giao.

Nơi nhận:

- Như trên
- UBND Tỉnh - B/cáo;
- Ban GD Sở - B/cáo;
- TTâm CNTN TNMT - Đăng tài liệu;
- Phòng QL Biển và Hải đảo;
- Lưu VT.





Phan Văn Mạnh

**DỰ THẢO DANH MỤC CÁC KHU VỰC PHẢI THIẾT LẬP HÀNH LANG BẢO VỆ BỜ BIỂN
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU LẦN 3**

(Kèm theo Văn bản số 1326/STNMT-BHD ngày 16 tháng 3 năm 2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

STT	Điểm	K/C (m)	Tọa độ X		Tọa độ Y		Mô tả khái quát khu vực cần thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển, mục đích và chức năng	Ghi chú
			VN 2000	mũi chiếu 3°	VN 2000	Kinh tuyến 107°45'		
A. KHU VỰC ĐẤT LIỀN (Gồm có 27 khu vực với tổng chiều dài bờ biển là 36.744m)								
I. Địa bàn thành phố Vũng Tàu: gồm có 05 khu vực với tổng chiều dài thiết lập hành lang: 8.492,0m								
KV 1	Điểm đầu	2.365,0	1152729.080	430845.520	Đoạn thôn Gò Găng thuộc xã Long Sơn: khu vực này có rừng ngập mặn, cần phải được bảo tồn để duy trì các hệ sinh thái, đa dạng sinh học			Đầu luồng rạch Gò Găng (tiếp giáp với biển)
	Điểm cuối		1152376.380	432056.550				Giáp ranh khu cảng đang thi công (khu trách trú bão)
KV 2	Điểm đầu	662,0	1146971.270	431292.940	Khu vực dân ven bờ cư sinh sống đông đúc thiết lập nhằm bảo đảm quyền tiếp cận của người dân với biển			Đoạn khu vực phường 10 TPVT
	Điểm cuối		1147353.810	431832.590				
KV 3	Điểm đầu	984,0	1147587.350	432170.370	Khu vực có tiềm năng du lịch và nghỉ dưỡng thiết lập nhằm bảo đảm quyền tiếp cận của người dân với biển			Đoạn 1 khu vực phường 11 TPVT
	Điểm cuối		1148078.140	433020.410				
KV 4	Điểm đầu	554,0	1148172.580	433184.830	Khu vực có tiềm năng du lịch và nghỉ dưỡng thiết lập nhằm bảo đảm quyền tiếp cận của người dân với biển			Đoạn 2 khu vực phường 11 TPVT
	Điểm cuối		1148439.380	433664.240				
KV 5	Điểm đầu	3.927,0	1148560.380	433969.080	Khu vực đang bị xói lở thiết lập nhằm bảo vệ bờ biển và quyền tiếp cận của người dân với biển			Đoạn 3 khu vực phường 11 TPVT
	Điểm cuối		1151288.640	436447.940				

II. Địa bàn huyện Long Điền: gồm có 06 khu vực; tổng chiều dài thiết lập hành lang: 6.521,1m

KV 6	Điểm đầu	245,0	1150465.730	438411.180	Khu vực dân cư đông đúc xã Phước Tỉnh, thiết lập nhằm bảo vệ bờ biển và quyền tiếp cận của người dân với biển	Đoạn 1 khu vực xã Phước Tỉnh
	Điểm cuối		1150537.850	438643.760		
KV 7	Điểm đầu	3.885,9	1150692.010	439227.010	Khu vực dân cư đông đúc thiết lập nhằm bảo vệ bờ biển và quyền tiếp cận của người dân với biển	Đoạn một phần xã Phước Tỉnh, xã Phước Hưng
			Điểm cuối	1149763.000		
	Điểm đầu	1149047.270	442896.850			
KV 8	Điểm cuối	249,2	1148871.860	443070.910	Khu vực dân cư đông đúc thiết lập nhằm bảo vệ bờ biển và quyền tiếp cận của người dân với biển	Đoạn 2 khu vực TT Long Hải
	Điểm đầu		1148740.910	443180.820		
KV 9	Điểm cuối	1.253,0	1147807.790	443947.180	Khu vực dân cư đông đúc, sạt lở mạnh, có danh lam thắng cảnh Dinh cô, Mộ Cô, thiết lập nhằm bảo vệ bờ biển, cảnh quan và quyền tiếp cận của người dân với biển	Đoạn 3 khu vực TT Long Hải
			Điểm đầu	1147750.140		
KV 10	Điểm cuối	554,0	1147891.880	444499.920	Khu vực cảnh quan tự nhiên, thiết lập nhằm bảo vệ cảnh quan và quyền tiếp cận của người dân với biển	Đoạn 4 khu vực TT Long Hải
			Điểm đầu	1147979.440		
KV 11	Điểm cuối	334,0	1147985.580	444996.960	Khu vực thiết lập nhằm bảo đảm quyền tiếp cận của người dân với biển	Đoạn 5 khu vực TT Long Hải
			Điểm đầu	1147979.440		

III. Địa bàn huyện Đất Đỏ: gồm có 06 khu vực với tổng chiều dài thiết lập hành lang: 4.579,6 m										
KV	Điểm đầu		433,0	1149056.420		446543.400		Khu vực có hệ sinh thái, thiết lập nhằm bảo vệ hệ sinh thái và quyền tiếp cận của người dân với biển		Đoạn 1 khu vực TT Phước Hải
	Điểm cuối			1149405.860		446792.860				
KV 13	Điểm đầu		2.154,8	1150132.320		447637.910		Khu vực có cảnh quan tự nhiên, thiết lập nhằm bảo vệ cảnh quan tự nhiên và quyền tiếp cận của người dân với biển		Đoạn 2 khu vực TT Phước Hải
	Điểm cuối			1151753.670		448952.940				
KV 14	Điểm đầu		795,0	1153787.960		451071.060		Khu vực đang bị xói lở, có cảnh quan tự nhiên, thiết lập nhằm bảo vệ bờ biển cảnh quan tự nhiên và quyền tiếp cận của người dân với biển		Đoạn 3 khu vực TT Phước Hải
	Điểm cuối			1154309.510		451635.140				
KV 15	Điểm đầu		152,0	1154591.560		451956.070		Khu vực có hệ sinh thái, có cảnh quan tự nhiên, thiết lập nhằm bảo vệ bờ biển cảnh quan tự nhiên và quyền tiếp cận của người dân với biển		Đoạn 1 khu vực xã Lộc An
	Điểm cuối			1154679.260		452078.090				
KV 16	Điểm đầu		204,8	1155325.060		452845.730		Khu vực có hệ sinh thái, thiết lập nhằm bảo vệ hệ sinh thái và quyền tiếp cận của người dân với biển		Đoạn 2 khu vực xã Lộc An
	Điểm cuối			1155406.000		453033.100				
KV 17	Điểm đầu		840,0	1155883.120		454634.600		Khu vực bị sạt lở, có cảnh quan tự nhiên, thiết lập nhằm bảo vệ bờ biển, cảnh quan tự nhiên và quyền tiếp cận của người dân với biển		Đoạn 3 khu vực xã Lộc An
	Điểm cuối			1156228.570		455358.520				
IV. Địa bàn huyện Xuyên Mộc: gồm có 10 khu vực với tổng chiều dài thiết lập hành lang: 17.151,3m										
KV 18	Điểm đầu		2.420,8	1156241.100		455391.420		Khu vực bị sạt lở, có cảnh quan tự nhiên, thiết lập nhằm bảo vệ bờ biển, cảnh quan tự nhiên và quyền tiếp cận của người dân với biển		Đoạn 1 khu vực xã Phước Thuận
	Điểm cuối			1157402.260		457438.260				

KV 19	Điểm đầu	82,0	1157904.010	465375.950	Khu vực là bãi biển thuộc cuối con đường xuống biển, thiết lập nhằm bảo vệ quyền tiếp cận của người dân với biển	Đoạn 2 khu vực xã Phước Thuận
	Điểm cuối		1157879.790	465452.750		
KV 20	Điểm đầu	744,0	1157847.380	465578.200	Khu vực bị sạt lở, có cảnh quan tự nhiên, thiết lập nhằm bảo vệ bờ biển, cảnh quan tự nhiên và quyền tiếp cận của người dân với biển	Đoạn 3 khu vực xã Phước Thuận
	Điểm cuối		1157662.840	466195.840		
KV 21	Điểm đầu	827,1	1158261.790	466804.410	Khu vực bị sạt lở, có hệ sinh thái, cảnh quan tự nhiên. Thiết lập nhằm bảo vệ bờ biển, hệ sinh thái cảnh quan tự nhiên và quyền tiếp cận của người dân với biển	Đoạn 4 khu vực xã Phước Thuận
	Điểm cuối		1158908.220	467268.960		
	Điểm đầu		1160621.110	468691.930		
KV 22	Điểm cuối	508,0	1160893.870	469100.100	Khu vực bị sạt lở, có hệ sinh thái, cảnh quan tự nhiên. Thiết lập nhằm bảo vệ bờ biển, hệ sinh thái cảnh quan tự nhiên và quyền tiếp cận của người dân với biển	Đoạn khu vực xã Bông Trang
	Điểm đầu		1160960.410	470362.480		
KV 23	Điểm đầu	8.269,0	1164468.520	476236.230	Khu vực bị sạt lở, có hệ sinh thái, cảnh quan tự nhiên. Thiết lập nhằm bảo vệ bờ biển, hệ sinh thái cảnh quan tự nhiên và quyền tiếp cận của người dân với biển	Đoạn một phần xã Bưng Riêng và một phần xã Bình Châu
	Điểm cuối		1164513.020	476286.970		
KV 24	Điểm đầu	491,0	1164878.050	476576.620	Khu vực bị sạt lở, có hệ sinh thái, cảnh quan tự nhiên. Thiết lập nhằm bảo vệ bờ biển, hệ sinh thái cảnh quan tự nhiên và quyền tiếp cận của người dân với biển	Đoạn 2 khu vực xã Bình Châu
	Điểm cuối		1165477.980	477001.730		
KV 25	Điểm đầu	450,0	1165696.670	477367.820	Khu vực bị sạt lở. Thiết lập nhằm bảo vệ bờ biển.	Đoạn 3 khu vực xã Bình Châu
	Điểm cuối		1165922.500	477700.920		
KV 26	Điểm đầu	1.722,5	1167356.280	478610.810	Khu vực bị sạt lở, có hệ sinh thái, cảnh quan tự nhiên. Thiết lập nhằm bảo vệ bờ biển, hệ sinh thái cảnh quan tự nhiên	Đoạn 4 khu vực xã Bình Châu
	Điểm cuối		1167356.280	478610.810		

KV 27	Điểm đầu	1.636,9	1167877.370	479046.380	Khu vực bị sạt lở, có hệ sinh thái, cảnh quan tự nhiên. thiết lập nhằm bảo vệ bờ biển, hệ sinh thái cảnh quan tự nhiên.	Đoạn 5 khu vực xã Bình Châu
	Điểm cuối		1168719.750	480136.330		

B. KHU VỰC CÔN ĐẢO (Gồm có 13 khu vực với tổng chiều dài bờ biển là 11.944,4m)

I. Hòn Côn Sơn: gồm có 05 khu vực với tổng chiều dài thiết lập hành lang: 2.476,2m

B. Ông Cầu (Bãi Sạn) Khu vực 1	Điểm đầu	352,8	370888.508	962792.103	Khu vực này có bãi cát là nơi làm tổ đẻ trứng của rùa biển, cần phải thiết lập để bảo vệ nơi làm tổ đẻ trứng của rùa biển và hệ sinh thái (HST) rạn san hô dưới biển.	Giáp với mỏm đá bãi Sạn
	Điểm cuối		370862.829	962463.269		Giáp với khu cho thuê môi trường rừng
Bãi Đất Thảm Khu vực 2	Điểm đầu	666,4	373553.922	965231.488	Khu vực này có bãi cát là nơi làm tổ đẻ trứng của rùa biển cần phải thiết lập để bảo vệ nơi làm tổ đẻ trứng của rùa biển và hệ sinh thái (HST) rạn san hô dưới biển duy trì hệ sinh thái vườn Quốc gia Côn Đảo. Bãi Đất Thảm là một trong số ít bãi biển hoang sơ, còn chưa phát triển tại Việt Nam có cảnh quan môi trường, nét đẹp độc đáo của tự nhiên, có giá trị du lịch sinh thái.	Phía bắc bãi Đất Thảm
	Điểm cuối		373225.945	965012.799		
Bãi Sạn – Cỏ Ống Khu vực 3	Điểm đầu	576,2	374460.096	965929.814	Khu vực này có bãi cát là nơi làm tổ đẻ trứng của rùa biển và có hệ sinh thái (HST) rạn san hô dưới biển duy trì hệ sinh thái vườn Quốc gia Côn Đảo.	Phía bắc bãi Sạn Cỏ Ống
	Điểm cuối		374231.618	965525.265		Phía nam bãi Sạn Cỏ Ống
Đầm Trầu nhỏ Khu vực 4	Điểm đầu	530,6	375566.942	965829.550	Khu vực này có bãi cát là nơi làm tổ đẻ trứng của rùa biển là 01 loại thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.	Phía bắc bãi Đầm Trầu nhỏ
	Điểm cuối		375218.655	965801.051		Phía nam bãi Đầm Trầu nhỏ

Bãi Ông Cường Khu vực 5	Điểm đầu	350,2	376990.859	967489.939	Bãi Ông Cường thuộc phân khu phục hồi sinh thái, Khu vực này ven biển có bãi cát là nơi làm tổ đẻ trứng của rùa biển dưới là hệ sinh thái (HST) rạn san hô dưới biển ven biển là dải rừng thuộc phân khu phục hồi sinh thái của vườn Quốc gia Côn Đảo.	Phía bắc bãi Ông Cường
	Điểm cuối		377035.049	967305.658		Phía nam bãi Ông Cường

II. Hòn Cau: gồm có 02 khu vực; tổng chiều dài thiết lập hành lang: 881,2m

Bãi Cát Lớn Khu vực 6	Điểm đầu	666,3	388171.068	960961.608	Khu vực này có bãi cát, địa hình thấp là nơi làm tổ đẻ trứng của rùa biển là 01 loại thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, dưới biển có sự đa dạng của các rạn san hô, trên bờ có nhiều loài động vật hoang dã như kỳ đà, tắc kè, dơi quạ và một số loài chim quý hiếm, và một số loài cây đặc hữu của Côn Đảo, có bãi biển thoai, hoang sơ có cảnh quan môi trường, nét đẹp độc đáo của tự nhiên, có giá trị du lịch sinh thái	Phía bắc bãi Cát Lớn
	Điểm cuối		388630.183	960583.293		Phía nam bãi Cát Lớn

Bãi Cô Vân Khu vực 7	Điểm đầu	214,9	388207.487	961467.727	Khu vực này ven biển có bãi cát là nơi làm tổ đẻ trứng của rùa biển dưới là hệ sinh thái (HST) rạn san hô dưới biển.	Phía bắc bãi Cô Vân
	Điểm cuối		388083.036	961292.922		Phía nam bãi Cô Vân

III. Hòn Bảy Cạnh: gồm có 03 khu vực với tổng chiều dài thiết lập hành lang: 5.622,4m

Bãi Cát Lớn Khu vực 8	Điểm đầu	2.582,9	383159.216	958113.976	Khu vực này có bãi cát và địa hình thấp là 01 trong 14 bãi đẻ trứng của rùa biển Côn Đảo và là bãi biển có số lượng rùa lên đẻ trứng nhiều nhất ở Côn Đảo.	Phía đông bãi Cát Lớn
	Điểm cuối		381839.527	957422.929		Phía tây bãi Cát Lớn

Bãi Bờ Đập Khu vực 9	Điểm đầu	2.157,1	381564.013	959875.348	Khu vực này, cùng với các hệ sinh thái rừng mưa nhiệt đới trên cao, hệ sinh thái thảm cỏ biển, các rạn san hô, hệ sinh thái rừng ngập mặn này đã tạo nên một liên kết hoàn chỉnh hệ sinh thái, và có nguy cơ sạt lở.	Phía tây bãi Bờ Đập
	Điểm cuối		382583.819	959342.453		Phía đông bãi Bờ Đập

Bãi Dương Khu vực 10	Điểm đầu	882,4	379854.128	959892.187	Khu vực này có bãi cát và địa hình thấp là nơi Khu vực này có bãi cát là nơi làm tổ đẻ trứng của rùa biển và có HST rạn san hô dưới biển.	Phía tây bãi Dương
	Điểm cuối		380155.918	959164.895		Phía đông bãi Dương
IV. Hòn Tài: gồm có 01 khu vực; tổng chiều dài thiết lập hành lang: 453,5m						
Bãi Cát Lớn Khu vực 11	Điểm đầu	453,5	376528.587	955542.895	Khu vực này có bãi cát là nơi làm tổ đẻ trứng của rùa biển và có HST rạn san hô dưới biển.	Phía bắc bãi Cát lớn
	Điểm cuối		376233.803	955280.514		Phía nam bãi Cát lớn
V. Hòn Bà: gồm có 01 khu vực với tổng chiều dài thiết lập hành lang: 1.887,0m						
Bãi Đàm Quốc Khu vực 12	Điểm đầu	1.887,0	367664.987	956158.605	Khu vực này ngoài hệ sinh thái rừng mưa nhiệt đới trên cao, hệ sinh thái thảm cỏ biển thì dưới biển là HST các rạn san hô và có nguy cơ sạt lở.	Phía tây bãi Đàm Quốc
	Điểm cuối		368171.409	955679.603		Phía đông bãi Đàm Quốc
VI. Hòn Tre Lớn: gồm có 01 khu vực với tổng chiều dài thiết lập hành lang: 624,1m						
Bãi Cát Lớn Khu vực 13	Điểm đầu	624,1	367799.233	963588.661	Khu vực này có bãi cát là nơi làm tổ đẻ trứng của rùa biển và HST rạn san hô dưới biển.	Phía bắc bãi Cát lớn
	Điểm cuối		367404.156	963321.847		Phía nam bãi Cát lớn

С. МАИТЭ